

Bản án số: 137/2023/HS-ST

Ngày 26 - 09 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QL, TỈNH NA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đạt Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Thế Thành và bà Nguyễn Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL, tỉnh NA tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 08 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 09 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức S** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/02/1969; tại tỉnh NA; nơi cư trú: Thôn 6, xã QM, huyện QL, tỉnh NA; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ H văn: Lớp 01/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể: Không; con ông Trần Đức Nhi (Đã chết); con bà Lê Thị Lại (Đã chết); có vợ: Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1969 và có 02 người con; con lớn nhất, sinh năm 1990, con nhỏ nhất, sinh năm 1995; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 24/11/1996, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA xử phạt 05 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản công dân”; đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 13/04/2000, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh NA xử phạt 05 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân”; đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 23/12/2003.

- Ngày 26/07/2005, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện QL xử phạt 06 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 30/04/2010.

- Ngày 23/07/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh NA xử phạt 07 năm 06 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hai hình phạt là 14 năm 06 tháng tù; đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 25/12/2022.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 05/05/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970, vắng mặt;

Nơi cư trú: Xóm 5, xã Q B, huyện QL, tỉnh NA.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Đắc T, sinh năm 1970, vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn 6, xã QM, huyện QL, tỉnh NA.

- *Người chứng kiến:* Anh Lương Thế Nộ, sinh năm 1964, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 12/04/2023, Trần Đức S đi lấy 02 bì xác rắn (01 chiếc màu xanh và 01 chiếc màu đỏ), rồi một mình điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu JINGHENG, màu nâu, mang biển kiểm soát 37H2-8554, phía sau có giá đèo hàng đi theo Quốc lộ 48B xuống xã Quỳnh Bá, huyện QL, tỉnh NA, với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi qua cánh đồng Rộc Sốc (Thuộc xóm 5, xã Quỳnh Bá, huyện QL), S thấy trang trại chăn nuôi gà của anh Nguyễn Văn H (Sinh năm 1970, trú tại xóm 5, xã Quỳnh Bá, huyện QL) và đi vào tìm kiếm tài sản để trộm cắp. S để xe mô tô bên ngoài rồi treo bờ tường rào vào phía trong. S nhặt một hòn đá phá ổ khóa cửa ngoài và ổ khóa cửa chuồng gà rồi dùng tay bắt trộm 22 (Hai mươi hai) con gà mái đẻ, lông màu nâu đỏ, có trọng lượng trung bình khoảng 2,2kg (Hai phẩy hai ki lô gam) mỗi con, bỏ vào bì xác rắn và treo bờ tường ra ngoài. Trên đường về, S gặp một người phụ nữ không rõ tên, tuổi, địa chỉ tại chân cầu vượt (Thuộc địa phận thị trấn Cầu Giát, huyện QL) và bán số gà trộm của anh H với giá 400.000 đồng, mua rượu sử dụng hết 30.000 đồng rồi về nhà ngủ.

Sáng ngày 12/04/2023, anh Nguyễn Văn H phát hiện bị mất gà nên trích xuất Camera an ninh chuồng gà và trình báo Công an xã Quỳnh Bá.

Cùng ngày, Trần Đức S đến Công an xã QM đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; đồng thời giao nộp 370.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu JINGHENG, màu nâu, mang biển kiểm soát 37H2-8554.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 162/KL-ĐGTS, ngày 14/04/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND huyện QL kết luận: 01 con gà mái đẻ, nuôi đẻ lấy trứng có đặc điểm nêu trên, có giá trị trao đổi tại thời điểm bị

chiếm đoạt là 250.000 đồng. Tổng cộng 22 (Hai mươi hai) con gà mái, nuôi đẻ trứng có đặc điểm nêu trên, có giá trị trao đổi tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 185/KL-KTHS (DD3-TL), ngày 01/05/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NA, kết luận: Số tiền Ngân hàng Việt Nam 370.000 đồng gửi tới giám định là tiền thật.

* Về vật chứng vụ án và xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu JINGHENG, màu nâu, mang biển kiểm soát 37H2-8554, phía sau có đèn hàng, số máy JC150FMG2PF 12011936, đã qua sử dụng; hiện được bảo quản tại Kho vật chứng Công an huyện QL để chờ xử lý theo quy định.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 370.000 đồng; hiện đang được bảo quản tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QL, tại Kho bạc Nhà nước huyện QL.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản; nay không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Cáo trạng số 129/CT-VKS- QL ngày 22/08/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QL, truy tố bị cáo Trần Đức S, về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện QL giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Đức S từ 24- 30 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; không áp dụng hình phạt bổ sung.

* Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho cáo Trần Đức S số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 370.000 đồng.

- Giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện QL tiếp tục quản lý, điều tra, xác minh chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu JINGHENG, màu nâu, mang biển kiểm soát 37H2-8554, số máy JC150FMG2PF 12011936, đã qua sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản; nay không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự nên không xem xét.

* Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Đức S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức S khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố, không tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng và các nội dung khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Đức S: Bị cáo xin HĐXX xét xử giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện QL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện QL và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức S khai nhận: Khoảng 02 giờ ngày 12/04/2023, tại trang trại chăn nuôi gà (Thuộc xóm 5, xã Quỳnh Bá, huyện QL, tỉnh NA), Trần Đức S đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Văn H 22 (Hai mươi hai) con gà mái đẻ, lông màu nâu đỏ, có trọng lượng mỗi con trung bình khoảng 2,2 kg, đem bán cho một người phụ nữ không quen biết với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng); trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.5.00.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai có tại hồ sơ; phù hợp với thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản người bị hại khai báo bị mất; sự phù hợp, thống nhất của các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Trần Đức S đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và mức hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng truy tố là đúng pháp luật.

[3]. Quá trình phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi, ham ăn chơi, lười lao động, có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu bản thân, ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang đối với chủ sở hữu tài sản; làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn nên cần xử lý nghiêm.

[4]. Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho bị hại, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại

điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đầu thú; anh ruột bị cáo là Liệt sỹ kháng chiến chống Mỹ cứu nước là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 04 tiền án: Ngày 24/11/1996, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA xử phạt 05 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản công dân”; đã chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 13/04/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh NA xử phạt 05 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân”; đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 23/12/2003. Ngày 26/07/2005, bị Tòa án nhân dân huyện QL xử phạt 06 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 30/04/2010. Ngày 23/07/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh NA xử phạt 07 năm 06 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hai hình phạt là 14 năm 06 tháng tù; đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 25/12/2022. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; có nhân thân xấu. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội và răn đe, phòng ngừa chung, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản; không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên miễn xét.

[7] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho cáo Trần Đức S số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 370.000 đồng, do bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện QL tiếp tục quản lý, điều tra, xác minh tìm chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu JINGHENG, màu nâu, mang biển kiểm soát 37H2-8554, số máy JC150FMG2PF 12011936, đã qua sử dụng.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Đức S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đức S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức S số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 370.000đ (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ số 39490104794900000, ngày 17/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QL, tại Kho bạc Nhà nước huyện QL, tỉnh NA).

- Giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện QL tiếp tục quản lý, điều tra, xác minh tìm chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu JINGHENG, màu nâu, mang biển kiểm soát 37H2-8554, số máy JC150FMG2PF 12011936, đã qua sử dụng (Hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an huyện QL để chờ xử lý theo quy định).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Đức S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H. QL;
- CQĐT Công an H. QL;
- Cơ quan THAHSCA H. QL;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS H. QL;
- VKSND tỉnh NA;
- TAND tỉnh NA;
- Sở Tư pháp tỉnh NA;
- UBND xã QM (Để biết);
- Lưu hồ sơ, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Đạt Nghiệm

